TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 9 - 2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Pháp, ông Lê Thanh Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Trường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 144/2023/TLST-HNGĐ ngày 30/6/2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 55/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: T, sinh năm 1968;
- *Bị đơn:* D, sinh năm 1967;

Cùng nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- *Người làm chứng:* K, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

(Cùng xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Nguyên đơn T trình bày:***

- *Quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông D kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 1988, có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện A *(hiện nay UBND xã Đ, huyện P),* tỉnh Phú Yên vào năm 1989. Trong quá trình chung sống có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông D thường xuyên uống rượu về quậy phá, hăm dọa đòi đánh bà T *(chỉ hăm họa, chưa thực sự đánh).* Sự việc kéo dài, đã được công an xã và gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không được. Từ đầu năm 2023, bà T đến sinh sống cùng gia đình con trai tên Q cùng trú tại thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Từ đó, hai bên tự bỏ mặc nhau, không ai còn quan tâm đến ai.

Nay, nhận thấy tình cảm đã hết, bà T xin được ly hôn ông D.

- *Về con chung*: Có 03 con tên K, sinh năm 1989; Q, sinh năm 1992; V, sinh năm 1997. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu gì.

- *Về tài sản chung**:*** Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, bà T không yêu cầu gì khác.

**** Bị đơn D*** đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không nộp bản ý kiến,

không đến Tòa, nguyên đơn T có đơn đề nghị không hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà T, ông D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A *(hiện nay UBND xã Đ, huyện P),* tỉnh Phú Yên vào ngày 05/01/1989 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, hai bên có mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, đã tự xa nhau từ đầu năm 2023 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Người làm chứng K khai ông D, bà T chung sống có mâu thuẫn, hiện không còn chung sống cùng nhau là sự thật. Ban nhân dân thôn M, xã H ký đơn đề nghị xác nhận mâu thuẫn của bà T, đề nghị xem xét theo quy định.

Mặt khác, ông D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có ý kiến gì phản bác lại yêu cầu xin ly hôn của bà T.

Như vậy, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà T, ông D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: Có 03 con tên K, sinh năm 1989; Q, sinh năm 1992; V, sinh năm 1997. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu gì nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xét.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí về yêu cầu xin ly hôn: 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà T được ly hôn ông D.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà T phải chịu: 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai

thu tiền số 0006160 ngày 30/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, bà T đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H. Tây Hòa;
- Cục THADS H. Tây Hòa;
- UBND xã Đ, huyện P
(GĐKKH số484, ngày 05/01/1989);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

Lê Thanh Huệ